TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn và ông Nguyễn Văn Sơn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Khưu Huỳnh Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 161/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Sơn H, sinh năm 1983. Có mặt

Cư trú: Số A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Số B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Thái Thị Hồng P, sinh năm 1978. Vắng mặt

Cư trú: Số A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện ngày 10/02/2023, Bản tự khai ngày 30/3/2023, Biên bản hoà giải ngày 17/4/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Sơn H, trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Sơn H và bà Thái Thị Hồng P tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân. Đến ngày 14/4/2008 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau về tiền bạc. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2022

đến nay. Ông H thừa nhận hiện tại ông H đang chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác tại phường P từ tháng 01 năm 2023 đến nay. Bà P đã nhiều lần khuyên răn, năn nỉ ông H quay về với vợ con nhưng do ông H không còn thương bà P nữa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà P.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thái Hoàng P1, sinh ngày 06/01/2009 và Nguyễn Thị Diễm H1, sinh ngày 06/3/2010. Hiện nay hai con chung đang sống chung với bà P. Khi ly hôn, ông H đồng ý để cho bà P tiếp tục nuôi hai con chung và sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/đứa cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai ngày 17/4/2023, Biên bản hoà giải ngày 17/4/2023 và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Thái Thị Hồng P, trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Hồng P và ông Nguyễn Sơn H tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân. Đến ngày 14/4/2008 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 14/4/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến nay, chưa từng xảy ra mâu thuẫn. Ông H tự ý bỏ nhà đi để sống chung với người phụ nữ khác từ tháng 9/2022 đến nay. Bà P đã nhiều lần khuyên răn nhưng ông H không thay đổi nên vợ chồng mới cự cãi nhau. Do ông H đang sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác nên mới yêu cầu ly hôn với bà P. Nay bà P còn thương chồng nên bà P không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thái Hoàng P1, sinh ngày 06/01/2009 và Nguyễn Thị Diễm H1, sinh ngày 06/3/2010. Hiện nay hai con chung đang sống chung với bà P. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/đứa cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Ông H cho rằng trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng không tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên cự cãi nhau về tiền bạc. Hiện tại ông H không còn tình cảm với bà P nữa nên ông H kiên quyết xin ly hôn với bà P.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sơn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông H tranh chấp về ly hôn với bà P, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà P có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp lấy lời khai làm rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Bà Thái Thị Hồng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà P.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1.1] Ông H và bà P tự nguyện quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64 ngày 14 tháng 4 năm 2008. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.1.2] Ông H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà P. Ông H cho rằng trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng không tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm với nhau nên thường xuyên cự cãi nhau về tiền bạc. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Ông H thừa nhận đang chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác tại phường P, thành phố L, tỉnh An Giang từ tháng 01 năm 2023 đến nay.

[3.1.3] Bà P cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến nay và chưa từng xảy ra mâu thuẫn. Do ông H đang chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác bên ngoài nên mới yêu cầu ly hôn bà. Bà P còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

[3.1.4] Hội đồng xét xử xét:

[3.1.4.1] Tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

[3.1.4.2] Tại khoản 3 Điều 2 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình: "Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau".

[3.1.4.3] Đối chiếu theo quy định trên thấy rằng trong cuộc sống vợ chồng, ông H và bà P không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Ông H vẫn kiên quyết xin ly hôn do không còn tình cảm với bà P. Bà P cho rằng còn thương ông H nhưng từ lúc vợ chồng ly thân nhau cho đến nay thì phía bà P cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà P đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, phù hợp với Điều 19 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Ông H và bà P có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thái Hoàng P1, sinh ngày 06/01/2009 và Nguyễn Thị Diễm H1, sinh ngày 06/3/2010. Hiện nay con chung đang sống chung với bà P. Khi ly hôn, ông H và bà P đồng ý để bà P tiếp tục nuôi con và ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/đứa cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

[3.2.1] Xét thấy, cháu P1 và cháu H1 chưa thành niên, hiện nay đang sống chung với bà P và ông H đồng ý để cho bà P nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu P1 và cháu H1, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P1 và cháu H1 cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2.2] Bà P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

[3.2.3] Ông H và bà P có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng:

[3.3.1] Ông H không trực tiếp nuôi con chung nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Do ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/đứa cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30 tháng 5 năm 2023).

[3.3.2] Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[3.5] Về án phí sơ thẩm: Ông H có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sơn H. Ông Nguyễn Sơn H được ly hôn với bà Thái Thị Hồng P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 14 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Sơn H và bà Thái Thị Hồng P hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Thái Thị Hồng P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thái Hoàng P1, sinh ngày 06/01/2009 và Nguyễn Thị Diễm H1, sinh ngày 06/3/2010.

Bà P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Ông H và bà P có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi cháu 2.000.000đ/tháng cho đến khi hai con chung thành niên và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30 tháng 5 năm 2023).

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Sơn H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001510 ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông H còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Sơn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Thái Thị Hồng P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Uỷ ban nhân dân phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Lan